

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 25-7-2023  
“Tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình - Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Phát Triển;

2. Bà Quang kim Cúc;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 414/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số F, ấp L, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số B, ấp Đ, xã Đ, huyện L, Đồng Tháp.

(Chị N có đơn xin vắng mặt và anh B vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2022 và ngày 20/3/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:*

Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, chị N và anh Lê Văn B quyết định kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 06/10/2009. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống,

tính cách không hòa hợp nên không thể tiếp tục sống chung được nên vợ chồng không sống chung từ tháng 3/2022 cho đến nay. Khoảng thời gian không sống chung, vợ chồng không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị N nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Nguyễn Anh B1, sinh ngày 07/10/2009 và Lê Nguyễn Bảo A, sinh ngày 26/8/2015, hiện nay cháu A B1 đang sống chung với anh B và cháu Bảo A đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung Lê Nguyễn Bảo A và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con B. Chị N đồng ý giao con chung Lê Nguyễn Anh B1 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Anh B1.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh Lê Văn B trình bày:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các quyết định và giấy triệu tập đương sự cho anh Lê Văn B để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh B vắng mặt lần thứ hai tại phiên họp và phiên tòa và có văn bản trình bày ý kiến phản bác, phản tố lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Kim N yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Lê Văn B, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Lê Văn B có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Lê Văn B để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai nhưng anh Lê Văn B vẫn không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Bên cạnh đó, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Kim N và anh Lê Văn B theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, chị N và anh Lê Văn B quyết định kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 06/10/2009 theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh B trong thời gian chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị N trình bày là do bất đồng quan điểm sống và tính cách không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do đó vợ chồng đã không sống chung từ tháng 3/2022 cho đến nay. Khoảng thời gian không sống chung, vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng vì cuộc sống vợ chồng không thể sống chung được nữa và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn B.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày mở phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập đương sự cho Lê Văn B để giải quyết vụ án nhưng anh B vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến phản bác, phản tố lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị N và anh B đã trầm trọng nên anh B không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị N và anh B không sống chung từ tháng 3/2022 cho đến nay. Vì vậy căn cứ Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N.

[2.3] Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Lê Văn B có 02 con chung tên Lê Nguyễn Anh B1, sinh ngày 07/10/2009 và Lê Nguyễn Bảo A, sinh ngày 26/8/2015, hiện nay cháu A B1 đang sống chung với anh B và cháu Bảo A đang sống chung với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo con chung được ổn định cuộc sống, nuôi dạy và phát triển trong điều kiện tốt nhất. Thời gian chị N và anh Lê Văn B không sống chung, cháu A B1 có cuộc sống ổn định với anh B, anh B nuôi dạy cháu phát triển trong điều kiện tốt về mọi mặt và cháu Bảo A có cuộc sống ổn định với chị N, chị N nuôi dạy cháu phát triển trong điều kiện tốt về mọi mặt. Vì vậy, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo A và chị N đồng ý giao cháu A B1 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của các cháu cần tiếp tục giao cháu Lê Nguyễn Bảo A cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Lê Nguyễn Anh B1 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của cháu A1 B1 là

muốn được sống với cha là anh B, phù hợp với nguyện vọng của cháu Bảo A là muốn được sống với mẹ là chị N và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu anh Lê Văn B cấp dưỡng nuôi con chung Lê Nguyễn Bảo A và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Lê Nguyễn Anh B1. Đồng thời anh Lê Văn B không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Lê Văn B.
2. Về con chung: Giao con chung Lê Nguyễn Bảo A, sinh ngày 26/8/2015 cho chị Nguyễn Thị Kim N tiếp tục nuôi dưỡng và giao con chung Lê Nguyễn Anh B1, sinh ngày 07/10/2009 cho anh Lê Văn B tiếp tục nuôi dưỡng. Hiện nay cháu Bảo A đang sống chung với chị N và cháu A1 B1 đang sống chung với anh B.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu anh Lê Văn B cấp dưỡng nuôi con chung Lê Nguyễn Bảo A và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Lê Nguyễn Anh B1. Đồng thời anh Lê Văn B không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí và tạm ứng án phí:

Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015743 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (chị N đã nộp xong án phí).

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã Tân Phú Đông,  
Tp Sa Đéc (số 148/2009);
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phượng**



